TINH, GỌN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT - YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN DỰ ÁN LUẬT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THÁI DOÃN THÀNH
Khoa Luật, Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 23/9/2026. Sửa chữa xong 28/10/2026. Duyệt đăng 05/11/2026.

Abstract

Streamlining and rationalizing the system of normative legal documents is essential to establishing a coherent, consistent, transparent, accessible, and effective legal system. This process requires an appropriate allocation of legislative and regulatory powers, effective oversight of delegated rulemaking, systematic review and elimination of outdated provisions, and clear criteria for assessing the effectiveness of streamlining efforts. This article examines the theoretical and practical requirements for streamlining the system of normative legal documents and proposes solutions to ensure substantive improvements without compromising the comprehensiveness, stability, and practical enforceability of the legal system.

Keywords: *Legal system, legislation, normative legal documents, regulatory powers, streamlining and rationalization.*

1. Đặt vấn đề

Hệ thống pháp luật Việt Nam trong những năm qua không ngừng được hoàn thiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật, số lượng văn bản quy phạm pháp luật ngày càng lớn, cùng một vấn đề có thể có nhiều cơ quan ban hành văn bản quy định chi tiết quan hệ giữa các văn bản ở những cấp độ khác nhau cũng ngày càng phức tạp, dẫn đến nguy cơ trùng lặp, chồng chéo và khó khăn trong việc tiếp cận, áp dụng pháp luật. Trong đó, việc giao quy định chi tiết cho văn bản ở cấp thấp hơn là một cơ chế cần thiết trong hoạt động lập pháp, bởi Quốc hội không thể trực tiếp quy định tất cả các vấn đề có tính kỹ thuật, chi tiết hoặc cần sự linh hoạt thường xuyên. Tuy nhiên, việc giao quy định chi tiết quá rộng hoặc không xác định rõ phạm vi có thể dẫn đến sự phân tán nội dung pháp luật và đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ hơn cơ chế ủy quyền lập pháp (Trần Ngọc Đường, 2018).

Vì vậy, yêu cầu xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tinh, gọn đặt ra không chỉ ở việc rà soát, cắt giảm các văn bản hiện hành mà còn phải kiểm soát ngay từ khâu xây dựng khả năng phát sinh các văn bản mới. Vấn đề đặt ra không phải là loại bỏ mọi văn bản quy định chi tiết, mà là xác định hợp lý những nội dung cần được quy định trực tiếp trong luật và những nội dung có thể giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính linh hoạt của pháp luật, vừa hạn chế việc phát sinh những tầng nấc pháp lý không cần thiết (Cao Vũ Minh, 2025).

Trên cơ sở nghiên cứu dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật, bài viết tập trung phân tích những vấn đề đặt ra đối với yêu cầu tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng yêu của chính sách "tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật" trong Nghị Quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026 của Chính Phủ về Chính sách của Luật Văn bản quy phạm pháp luật.

Email: thaithanhhvcs@gmail.com.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Yêu cầu tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Việc tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trước hết xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật không ngừng được bổ sung, sửa đổi để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh. Quá trình này tất yếu làm gia tăng số lượng văn bản và quy định pháp luật. Nếu thiếu cơ chế rà soát, hệ thống hóa và loại bỏ những quy định không còn phù hợp, hệ thống pháp luật có nguy cơ trở nên phức tạp, phân tán và khó tiếp cận.

Một hệ thống văn bản thiếu tinh, gọn có thể làm gia tăng chi phí tiếp cận và tuân thủ pháp luật. Đối với người dân, doanh nghiệp và các cơ quan thực thi, việc phải tra cứu nhiều văn bản có liên quan, trong đó có thể tồn tại những quy định được sửa đổi, bổ sung ở nhiều thời điểm khác nhau, làm tăng khó khăn trong việc xác định và áp dụng chính xác quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu tinh, gọn không chỉ có ý nghĩa đối với cấu trúc của hệ thống văn bản mà còn liên quan trực tiếp đến khả năng đưa pháp luật vào cuộc sống. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trên thực tế phụ thuộc không chỉ vào hiệu lực pháp lý mà còn vào khả năng được áp dụng thống nhất, thuận lợi trong thực tiễn (Bùi Xuân Phái, 2023).

Bên cạnh đó, tinh, gọn còn là yêu cầu để hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn và trùng lặp trong pháp luật. Khi nhiều văn bản cùng điều chỉnh một vấn đề nhưng được ban hành bởi những chủ thể hoặc ở những thời điểm khác nhau, nguy cơ phát sinh quy định không thống nhất là khó tránh khỏi. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính thống nhất của hệ thống pháp luật mà còn gây khó khăn cho hoạt động áp dụng và tổ chức thi hành.

Tinh, gọn hệ thống văn bản cũng có quan hệ chặt chẽ với phân cấp, phân quyền và kiểm soát thẩm quyền lập pháp, lập quy. Một hệ thống pháp luật hợp lý đòi hỏi mỗi chủ thể chỉ thực hiện quyền ban hành văn bản trong phạm vi thẩm quyền được xác định rõ, đồng thời bảo đảm sự phù hợp giữa vị trí của chủ thể ban hành với tính chất và phạm vi của vấn đề được điều chỉnh. Đối với những trường hợp Quốc hội giao cơ quan khác thực hiện một phần quyền lập pháp, việc ủy quyền cần được đặt trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước (Lương Minh Tuân, 2014). Đây là cơ sở để hạn chế tình trạng phân tán quy định pháp luật, hạn chế việc ban hành những văn bản có nội dung vượt quá phạm vi thẩm quyền và nâng cao trách nhiệm của cơ quan ban hành.

Cuối cùng, yêu cầu tinh, gọn phải được đặt trong mối quan hệ với tính khả thi của pháp luật. Một hệ thống pháp luật có quá nhiều văn bản, nhiều tầng nấc và thường xuyên thay đổi có thể làm giảm tính ổn định của môi trường pháp lý. Ngược lại, một hệ thống được cấu trúc hợp lý, trong đó mỗi văn bản có chức năng và vị trí rõ ràng, sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tổ chức thi hành, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của pháp luật. Yêu cầu bảo đảm tính khả thi của pháp luật cũng đòi hỏi phải nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, xác định hợp lý giới hạn điều chỉnh của pháp luật và tăng cường sự liên thông giữa xây dựng pháp luật với thi hành pháp luật (Trương Hồng Quang, Lê Xuân Tùng, 2023).

Do đó, tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật không chỉ là yêu cầu kỹ thuật đối với hoạt động xây dựng pháp luật mà còn là một trong những điều kiện để nâng cao chất lượng, tính minh bạch, khả năng tiếp cận và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Đây cũng là cơ sở để xem xét mức độ đáp ứng của dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật đối với yêu cầu xây dựng một hệ thống pháp luật tinh, gọn trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với yêu cầu tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.1. Tinh, gọn phải đi đôi với phân định rõ thẩm quyền ban hành văn bản

Cấu trúc của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phản ánh ở mức độ nhất định cấu trúc và sự phân công quyền lực trong hoạt động lập pháp, lập quy. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống tinh, gọn không thể tách rời yêu cầu phân định rõ thẩm quyền giữa các chủ thể có quyền ban hành văn bản. Việc Quốc hội giao cho chủ thể khác thực hiện một phần quyền lập pháp phải được đặt trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, đồng thời bảo đảm giới hạn của nội dung được giao (Trần Ngọc Đường, 2018; Lương Minh Tuân, 2014).

Nếu thẩm quyền ban hành không được phân định rõ, cùng một vấn đề có thể được điều chỉnh bởi nhiều chủ thể khác nhau hoặc được quy định ở nhiều cấp văn bản. Điều này làm gia tăng nguy cơ trùng lặp, chồng chéo và mâu thuẫn, đồng thời làm khó xác định trách nhiệm khi quy định pháp luật có bất cập.

Ngược lại, việc phân định thẩm quyền hợp lý có thể tạo ra sự chuyên môn hóa và phân tầng hợp lý trong hệ thống pháp luật. Những vấn đề có tính nguyên tắc, liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của chủ thể hoặc có tác động rộng đến xã hội cần được quy định ở cấp có thẩm quyền tương xứng; những nội dung mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc cần điều chỉnh linh hoạt mới nên được giao cho cấp dưới quy định trong phạm vi rõ ràng.

Từ góc độ này, yêu cầu tinh, gọn không chỉ đặt ra đối với bản thân các văn bản mà còn đặt ra đối với cách thức phân bổ quyền ban hành văn bản. Một hệ thống có ít loại văn bản nhưng thẩm quyền chồng lấn vẫn có thể tạo ra một hệ thống pháp luật phức tạp. Vì vậy, hợp lý hóa hệ thống văn bản phải được thực hiện đồng thời với hợp lý hóa thẩm quyền lập pháp, lập quy.

2.2.2. Tinh, gọn phải gắn với giảm tầng nấc và hạn chế sự phụ thuộc vào văn bản hướng dẫn

Một trong những biểu hiện của hệ thống pháp luật thiếu tinh, gọn là tình trạng một quy định pháp luật phải được cụ thể hóa qua nhiều văn bản ở các cấp khác nhau mới có thể được áp dụng trên thực tế. Về nguyên tắc, văn bản quy định chi tiết là cần thiết nhằm bảo đảm khả năng triển khai những quy định có tính chất chuyên môn, kỹ thuật hoặc cần được cụ thể hóa. Tuy nhiên, thực tiễn giao và ban hành văn bản quy định chi tiết cho thấy cơ chế này vẫn còn những hạn chế, bất cập cần tiếp tục được hoàn thiện (Võ Văn Tuyển, Trần Việt Đức, 2019).

Vấn đề này đặt ra yêu cầu phải xác định hợp lý mối quan hệ giữa văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và văn bản quy định chi tiết. Văn bản cấp dưới về nguyên tắc chỉ nên thực hiện chức năng cụ thể hóa những nội dung đã được xác định về nguyên tắc trong văn bản cấp trên, không nên trở thành nơi hình thành những chính sách hoặc quy định mang tính nền tảng mà đáng lẽ phải được quy định ở cấp có thẩm quyền cao hơn. Việc sử dụng luật khung và giao cơ quan hành pháp quy định chi tiết có thể tạo ra sự linh hoạt cần thiết, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu phải xác định rõ nội dung, phạm vi và giới hạn của việc ủy quyền (Cao Vũ Minh, 2025).

Do đó, tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cần đi liền với việc kiểm soát phạm vi giao quy định chi tiết. Khi xây dựng văn bản, cơ quan chủ trì cần xác định rõ những nội dung nào thực sự cần giao cho văn bản dưới luật, nội dung nào có thể quy định trực tiếp trong luật và nội dung nào không cần thiết phải tiếp tục quy định ở cấp dưới. Việc kiểm soát này phù hợp với yêu cầu về phạm vi ủy quyền, chủ thể được giao và giới hạn nội dung của văn bản quy định chi tiết (Võ Văn Tuyển, Trần Việt Đức, 2019; Bùi Xuân Phái, 2023). Đây không chỉ là giải pháp giảm số lượng văn bản mà còn góp phần giảm số lượng quy định phải được tra cứu đồng thời, nâng cao tính ổn định và khả năng tiếp cận của hệ thống pháp luật.

2.2.3. Tinh, gọn hệ thống văn bản phải gắn với rà soát, hệ thống hóa và xử lý các quy định không còn phù hợp

Tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật không chỉ là yêu cầu trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản mới mà còn phải được duy trì trong suốt quá trình thực hiện pháp luật. Hệ thống pháp luật có thể trở nên phức tạp do sự gia tăng văn bản mới, tình trạng sửa đổi, bổ sung nhiều lần hoặc sự tồn tại của những quy định chồng chéo, mâu thuẫn và không còn phù hợp với thực tiễn.

Theo số liệu thống kê từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn) tại thời điểm nghiên cứu, có 22.219 văn bản do cơ quan trung ương ban hành và 39.601 văn bản do cơ quan địa phương ban hành, bao gồm văn bản đang có hiệu lực và chuẩn bị có hiệu lực. Trong số 45.793 văn bản thuộc đối tượng rà soát, có 13.077 văn bản được đề xuất xử lý (Chính phủ, 2026). Số liệu này cho thấy yêu cầu tiếp tục nâng cao hiệu quả rà soát và xử lý văn bản, song cần phân biệt giữa việc đề xuất xử lý với việc xác định văn bản có sai sót hoặc cần bãi bỏ.

Vì vậy, rà soát cần được thực hiện không chỉ nhằm xác định tình trạng hiệu lực mà còn đánh giá sự cần thiết, tính phù hợp và mức độ chồng chéo, mâu thuẫn của các quy định (Bùi Xuân Phái, 2023). Kết quả rà soát phải gắn với phương án xử lý tương ứng, như bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy

định không còn phù hợp; đồng thời hợp nhất, hệ thống hóa các quy định còn hiệu lực khi đáp ứng điều kiện pháp lý. Bên cạnh đó, cần kiểm soát sự cần thiết của việc ban hành văn bản mới, ưu tiên xử lý những bất cập bằng cách hoàn thiện quy định hiện hành khi phù hợp. Qua đó, tinh, gọn hệ thống pháp luật được bảo đảm thông qua cả việc kiểm soát sự gia tăng văn bản mới và xử lý những bất cập đã tích lũy, thay vì chỉ hướng đến giảm số lượng văn bản.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện dự thảo luật theo hướng tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Trên cơ sở những vấn đề nêu trên, việc hoàn thiện dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật cần tiếp cận yêu cầu tinh, gọn không chỉ từ việc xác định lại các loại văn bản mà phải đặt trong tổng thể cấu trúc, thẩm quyền, nội dung và cơ chế thi hành của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

2.3.1. Gắn việc tinh, gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật với phân định rõ thẩm quyền lập pháp, lập quy

Dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật đã quy định Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Điều 4 Dự thảo), tuy nhiên cần tiếp tục xem xét cách phân định giữa văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương nhằm bảo đảm tính thống nhất với kỹ thuật lập pháp ở Chương II. Trên cơ sở bản dự thảo được sử dụng để nghiên cứu, tác giả đề xuất phương án sau:

"Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương:

a. Hiến pháp.

b. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật) của Quốc hội.

c. Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d. Lệnh của Chủ tịch nước.

đ. Nghị định của Chính phủ.

e. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

h. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước.

i. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Chính quyền địa phương

a. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

b. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

đ. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã).

e. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã."

Đồng thời, sửa đổi tên Chương II, Mục I thành *"Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương"* nhằm bảo đảm thống nhất về kỹ thuật lập pháp.

2.3.2. Hạn chế việc gia tăng tầng nấc pháp lý thông qua cơ chế kiểm soát việc giao quy định chi tiết

Một trong những nguyên nhân làm cho hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trở nên nhiều tầng nấc là việc các đạo luật thường xuyên giao một số lượng lớn nội dung cho văn bản quy định chi tiết. Bản thân việc giao quy định chi tiết là cần thiết đối với những vấn đề có tính kỹ thuật, cần được cụ thể hóa để tổ chức thi hành hoặc có khả năng thường xuyên thay đổi. Tuy nhiên, thực tiễn về giao và ban hành văn bản quy định chi tiết cho thấy nếu việc giao không được xác định rõ về phạm vi, nội dung và chủ thể thực hiện thì có thể phát sinh những hạn chế đối với tính thống nhất và khả năng kiểm soát quyền lập pháp. Đồng thời, việc xây dựng luật khung và giao cơ quan hành pháp quy định chi tiết đòi

hỏi phải xác định hợp lý giới hạn của việc ủy quyền để vừa bảo đảm tính linh hoạt, vừa tránh chuyển những vấn đề thuộc nội dung chính sách sang văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn.

Để khắc phục vấn đề này, cần thiết lập cơ chế kiểm soát việc giao quy định chi tiết ngay từ khâu xây dựng, thẩm định và thẩm tra dự án luật. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo Luật theo ba hướng sau:

Một là, bổ sung nguyên tắc giao quy định chi tiết. Dự thảo Luật cần bổ sung vào quy định tại Điều 8 như sau: *"Điều 8. Văn bản quy định chi tiết. Việc giao quy định chi tiết chỉ được thực hiện khi nội dung cần quy định có tính kỹ thuật, thường xuyên biến động hoặc cần có quy định cụ thể để bảo đảm thi hành văn bản được giao; việc giao phải xác định rõ nội dung, phạm vi, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết và không được giao lại nội dung đã được giao quy định chi tiết. Không giao quy định chi tiết đối với những vấn đề đã được quy định đầy đủ, rõ ràng trong văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn hoặc những vấn đề thuộc nội dung chính sách, quyền và nghĩa vụ cơ bản của đối tượng chịu sự tác động của văn bản."*

Quy định trên được xây dựng trên cơ sở yêu cầu kiểm soát phạm vi ủy quyền, xác định rõ chủ thể và nội dung được giao, đồng thời bảo đảm cơ quan được giao không tiếp tục ủy quyền nội dung đã được giao. Tuy nhiên, nội dung cụ thể của điều khoản cần tiếp tục được đối chiếu với cấu trúc và kỹ thuật lập pháp của bản dự thảo Luật được cơ quan có thẩm quyền chốt.

Hai là, bổ sung yêu cầu đánh giá sự cần thiết và tác động của việc giao quy định chi tiết vào hồ sơ dự án luật. Dự thảo Luật cần bổ sung vào quy định về hồ sơ dự án luật yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo phải xác định và đánh giá riêng đối với các nội dung dự kiến giao quy định chi tiết. Theo đó, trong tờ trình hoặc tài liệu thuyết minh của dự án luật phải thể hiện rõ: (i) nội dung cụ thể dự kiến giao quy định chi tiết; (ii) sự cần thiết phải giao; (iii) lý do nội dung đó không được quy định trực tiếp trong luật; (iv) cơ quan có thẩm quyền được giao; (v) dự kiến loại văn bản phải ban hành để quy định chi tiết; và (vi) đánh giá khả năng phát sinh thêm văn bản hoặc việc tiếp tục giao quy định chi tiết ở cấp thấp hơn. Yêu cầu này xuất phát từ chính vấn đề kiểm soát ủy quyền lập pháp: nếu không xác định rõ ngay từ giai đoạn xây dựng luật nội dung nào được giao, vì sao phải giao và giới hạn của việc giao thì khó có thể kiểm soát hiệu quả sự gia tăng của các văn bản quy định chi tiết. Trên cơ sở đó, đề nghị bổ sung một khoản vào điều quy định về hồ sơ dự án luật theo hướng: *"Hồ sơ dự án luật phải xác định rõ các nội dung dự kiến giao quy định chi tiết; sự cần thiết và lý do giao quy định chi tiết; cơ quan có thẩm quyền được giao; phạm vi, nội dung được giao và dự kiến loại văn bản quy định chi tiết. Đối với nội dung được giao quy định chi tiết, phải đánh giá tác động của việc giao đối với tính đồng bộ, thống nhất, khả năng tiếp cận và tính tinh, gọn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật."*

Quy định này không làm phát sinh một loại hồ sơ độc lập mà chỉ bổ sung một nội dung bắt buộc trong hồ sơ vốn đã phải được xây dựng. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với yêu cầu kiểm soát nội dung giao quy định chi tiết ngay từ quá trình xây dựng văn bản.

2.3.3. Bổ sung việc kiểm soát sự cần thiết, phạm vi và tác động của nội dung giao quy định chi tiết vào hoạt động thẩm định, thẩm tra dự án luật

Chỉ yêu cầu cơ quan soạn thảo tự đánh giá là chưa đủ, bởi cơ quan soạn thảo chính là chủ thể thiết kế nội dung giao quy định chi tiết. Vì vậy, cần thiết lập một cơ chế kiểm soát độc lập ở giai đoạn thẩm định và thẩm tra. Cơ chế này phù hợp với yêu cầu kiểm soát việc ủy quyền lập pháp, trong đó việc giao quyền cần được xem xét không chỉ ở sự cần thiết mà còn ở phạm vi, chủ thể và giới hạn của nội dung được giao. Theo đó, đề nghị bổ sung vào quy định về nội dung thẩm định dự án luật (Điều 32 dự thảo Luật) yêu cầu cơ quan thẩm định phải đánh giá: sự cần thiết của việc giao quy định chi tiết; tính cụ thể của phạm vi và nội dung được giao; sự phù hợp của cơ quan được giao; nguy cơ phát sinh trùng lặp, chồng chéo, phân tán quy định và gia tăng không cần thiết số lượng, tầng nấc văn bản quy phạm pháp luật. Có thể bổ sung một điểm vào quy định về nội dung thẩm định theo hướng: *"Sự cần thiết, phạm vi và nội dung giao quy định chi tiết; tính phù hợp của cơ quan được giao quy định chi tiết; tác động của việc giao quy định chi tiết đối với tính đồng bộ, thống nhất và tính tinh, gọn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (nếu có)."*

Đồng thời, đối với thẩm tra dự án luật (Điều 35 dự thảo Luật), cần bổ sung nội dung tương ứng để cơ quan thẩm tra có căn cứ xem xét độc lập phương án giao quy định chi tiết. Có thể quy định theo

hướng: *"Việc giao quy định chi tiết trong dự thảo luật, bao gồm sự cần thiết, phạm vi, nội dung, cơ quan được giao và tác động của việc giao quy định chi tiết đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (nếu có)."*

Trường hợp cơ quan thẩm định hoặc thẩm tra nhận thấy nội dung được giao đã có thể quy định đầy đủ trong luật, không chứng minh được sự cần thiết phải giao hoặc việc giao có nguy cơ tạo thêm tầng nấc pháp lý không cần thiết thì cần yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo quy định trực tiếp nội dung đó trong dự thảo luật hoặc thu hẹp phạm vi giao quy định chi tiết.

Hai cơ chế trên tạo thành một quy trình kiểm soát thống nhất: cơ quan soạn thảo phải chứng minh sự cần thiết của việc giao quy định chi tiết; cơ quan thẩm định, thẩm tra kiểm tra lại sự cần thiết và tác động của việc giao. Qua đó, việc giao quy định chi tiết không còn chỉ được xem xét dưới góc độ bảo đảm khả năng thi hành luật mà còn được đặt trong yêu cầu bảo đảm cấu trúc hợp lý của toàn bộ hệ thống pháp luật. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật và bảo đảm sự gắn kết giữa xây dựng pháp luật với thi hành pháp luật.

2.3.4. Gắn kết quả rà soát văn bản với trách nhiệm xử lý và kiểm soát việc ban hành văn bản mới

Trọng tâm của giải pháp không phải là thiết lập thêm cơ chế rà soát mà là nâng cao hiệu quả xử lý sau rà soát. Theo đó, cần xác định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc lựa chọn phương án xử lý đối với từng nhóm quy định bất cập, xác định thời hạn hoàn thành và theo dõi kết quả thực hiện. Việc xử lý phải bảo đảm đúng tính chất của bất cập, bao gồm bãi bỏ quy định không còn cần thiết, sửa đổi hoặc thay thế quy định không còn phù hợp, đồng thời hợp nhất, hệ thống hóa các quy định còn hiệu lực nhưng phân tán, gây khó khăn cho việc tiếp cận và áp dụng. Bên cạnh đó, cần tăng cường kiểm soát căn cứ đề xuất ban hành văn bản mới, yêu cầu cơ quan soạn thảo đánh giá khả năng giải quyết vấn đề bằng việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành, qua đó hạn chế ban hành văn bản không thực sự cần thiết. Cách tiếp cận này góp phần chuyển kết quả rà soát từ khâu nhận diện bất cập thành căn cứ trực tiếp để đơn giản hóa hệ thống văn bản, kiểm soát sự gia tăng quy phạm và duy trì tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

3. Kết luận

Như vậy, đối với dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật, việc thể chế hóa yêu cầu tinh, gọn cần được thực hiện đồng bộ từ thiết kế hệ thống văn bản, phân định thẩm quyền, kiểm soát việc giao quy định chi tiết đến cơ chế rà soát và đánh giá hiệu quả của văn bản sau khi ban hành. Trọng tâm không phải là giảm một cách cơ học số lượng văn bản mà là kiểm soát ngay từ quá trình xây dựng khả năng phát sinh những văn bản mới không thực sự cần thiết, đặc biệt thông qua việc kiểm soát phạm vi và nội dung giao quy định chi tiết. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm rằng quá trình tinh, gọn hệ thống pháp luật không chỉ làm giảm sự phức tạp về hình thức mà còn thực sự nâng cao chất lượng và hiệu quả của pháp luật trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

Bùi Xuân Phái (2023). Vấn đề hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành ở Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, (12).

Cao Vũ Minh (2025). Ban hành luật khung theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị: Tổng quan một số quốc gia trên thế giới, hệ quả phát sinh và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 11–12 (443).

Chính phủ (2026a). *Nghị quyết số 227/NQ-CP ngày 13/8/2026 về chính sách của Luật về văn bản quy phạm pháp luật.*

Chính phủ (2026b). *Báo cáo số 652/BC-CP ngày 30/8/2026 về tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.*

Lương Minh Tuân (2014). Pháp luật về ủy quyền lập pháp ở Việt Nam – Thực trạng và kiến nghị. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 21(277).

Nguyễn Hải Ninh (2026). Vai trò của Bộ, ngành Tư pháp trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật tạo lợi thế cạnh tranh đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*. https://danchuphapluat.vn/vai-tro-cua-bo-nganh-tu-phap-trong-xay-dung-hoan-thien-the-che-phap-luat-tao-loi-the-canh-tranh-dua-dat-nuoc-phat-trien-trong-ky-nguyen-moi-8709.html, ngày 16/3/2026.

Quốc hội (2025). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Luật số: 64/2025/QH15, ngày 19/02/2025.*

Trần Ngọc Đường (2018). Ủy quyền lập pháp trong cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát việc thực hiện quyền lập pháp. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 22(374).

Trương Hồng Quang & Lê Xuân Tùng (2023). Bảo đảm tính khả thi của pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Luật học*, 2(273).

Võ Văn Tuyển & Trần Việt Đức (2019). Ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội – Tiếp cận dưới góc độ ủy quyền lập pháp. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 22(398).

Dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật (2026). [Dự thảo luật], ngày 28/9/2026.